Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8454.10.00

Mã HS	8454.10.00
Mô tả hàng hóa	Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thỏi và máy đúc, dùng trong luyện kim hoặc đúc kim loại / - Lò thổi
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:38:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84541000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14058
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14058
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14058
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13384
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13325
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13325
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13325
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13325
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13325
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13325
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13379
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13379
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13379
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13379
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13379
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13380
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13380
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13380
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13380
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13380
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13380
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13383
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13331
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13339
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13339
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13339
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13339
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13339
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13339
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13370
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13370
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13370
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13370
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13370
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13370
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13419
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13419

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13419
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13419
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13419
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13419
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13402
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13402
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13402
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13402
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13402
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13402
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13402
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13402
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13402
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13402
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13402
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13402
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13417
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13417
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13417
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13417
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13417
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13417
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13416
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13416
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13416
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13416
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13416
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13396
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13396
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13396
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13396
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13396
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13396
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13396
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13404
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13404
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13404
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13404
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13404
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13404
RCEP B	2022	2022	0	B!D13404
RCEP B	2023	2023	0	B!E13404
RCEP B	2024	2024	0	B!F13404
RCEP B	2025	2025	0	B!G13404
RCEP B	2026	2026	0	B!H13404
RCEP B	2027	2027	0	B!I13404
RCEP C	2022	2022	0	C!D13404
RCEP C	2023	2023	0	C!E13404
RCEP C	2024	2024	0	C!F13404
RCEP C	2025	2025	0	C!G13404
RCEP C	2026	2026	0	C!H13404

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13404
RCEP D	2022	2022	0	D!D13403
RCEP D	2023	2023	0	D!E13403
RCEP D	2024	2024	0	D!F13403
RCEP D	2025	2025	0	D!G13403
RCEP D	2026	2026	0	D!H13403
RCEP D	2027	2027	0	D!I13403
RCEP E	2022	2022	0	E!D13407
RCEP E	2023	2023	0	E!E13407
RCEP E	2024	2024	0	E!F13407
RCEP E	2025	2025	0	E!G13407
RCEP E	2026	2026	0	E!H13407
RCEP E	2027	2027	0	E!I13407
RCEP F	2022	2022	0	F!D13404
RCEP F	2023	2023	0	F!E13404
RCEP F	2024	2024	0	F!F13404
RCEP F	2025	2025	0	F!G13404
RCEP F	2026	2026	0	F!H13404
RCEP F	2027	2027	0	F!I13404
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12436
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12436
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12436
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12436

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8454.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8454.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14058), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.